

Số: 698 /TB-THADS

Chơn Thành, ngày 24 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐÁU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2023/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 376/QĐ-CCTHADS ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2023/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 369/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2023/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 07/QĐ-CCTHADS ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại tòa án số 03/2023/QĐCNHGT-KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 916/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 17/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 262/QĐ-CCTHADS ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;



Căn cứ Bản án số 01/2024/KDTM-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 826/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 03/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 09/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 18/2024/KDTM-ST ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 390/QĐ-CCTHADS ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 16/2024/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 217/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 17/2024/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 33/2024/QĐ-SCBSBA ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 230/QĐ-CCTHADS ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 15/2024/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 216/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 06/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 273/QĐ-CCTHADS ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 07/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 17/2024/QĐ-SCBSBA ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 120/QĐ-CCTHADS ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 09/2024/KDTM-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 165/QĐ-CCTHADS ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 10/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 509/QĐ-CCTHADS ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 19/2024/KDTM-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 615/QĐ-CCTHADS ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 20/2024/KDTM-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 569/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 01/2025/LĐST ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 682/QĐ-CCTHADS ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Bản án số 11/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 707/QĐ-CCTHADS ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản tài sản số 26/QĐ-CCTHADS ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 324/2025/27/BC-TĐG.MDC ngày 31 tháng 03 năm 2025 của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn bất động sản Mạnh Đạt;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản.

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy may công nghiệp (Industrial Sewing Machines) kèm theo bàn máy may; Nhà sản xuất: Shang Gong Group; Hoạt động bằng điện; Model 1767-180342; công suất 230V-375W; Nhà sản xuất: Shang Gong; Nước xuất xứ: China.	120	39.195.180	4.703.421.600
2	Máy may công nghiệp (Industrial Sewing Machines) kèm theo bàn máy may; Nhà sản xuất: Shang Gong Group; Hoạt động bằng điện; Model 261-140342-01; công suất 230V-375W; Nước xuất xứ: China.	12	6.254.550	75.054.600
3	Máy may công nghiệp (Industrial Sewing Machine) kèm theo bàn máy may; Nhà sản xuất: Durkopp Adler; Hoạt động bằng điện; Model 967-100180; công suất 230V-375W.	10	79.607.813	796.078.130
4	Máy may công nghiệp, kèm theo bàn máy may; Nhà sản xuất: Durkopp Adler AG; Model: 868 99021.	10	94.280.625	942.806.250
5	Máy may công nghiệp JUKI LU-2810A-7-0BBS/SC922BK/CP18C, kèm theo bàn máy may.	26	43.650.000	1.134.900.000
6	Máy may công nghiệp SiRuBa MoDel VC 008, kèm theo bàn máy may.	2	8.730.000	17.460.000
7	Máy may công nghiệp Britex Model BR 6720D, kèm theo bàn máy may.	3	3.375.000	10.125.000
8	Máy may JUKI MO-6714DA, kèm theo bàn máy may.	1	10.345.500	10.345.500
9	Máy cắt mút xốp (Healthcare CNC Cutting Machine); Nhà sản xuất: Nantong Healthcare Machinery Co.Ltd; Hoạt động bằng điện; Model CNCHK-4; công suất 8kw, 380v, 50Hz; Nước xuất xứ: China.	1	325.455.900	325.455.900
10	Máy cắt mút xốp, hoạt động bằng điện.	4	260.349.750	1.041.399.000
11	Máy chỉnh đo và cắt vải tự động và phụ tùng đồng bộ đi kèm; Nhà sản xuất: Geber Scientifi International; Model: XLC7000; công suất 200v, 50/60Hz; Nước xuất xứ: China.	1	1.213.883.064	1.213.883.064
12	Máy chỉnh đo và cắt vải tự động và phụ tùng đồng bộ đi kèm; Nhà sản xuất: Geber Scientifi International; Model: XLS50; công suất 200, 50/60Hz; Nước xuất xứ: China.	1	290.419.605	290.419.605
13	Máy cưa đai (Band Saw) Nhà SX: New Mas Woodworking Machinery & Equipment Co.ltd. Hoạt động bằng điện, Model MJ346A, Công suất 3KW, Nước xuất xứ: China.	3	9.233.812	27.701.436
14	Máy CNC dùng tiện gỗ định hình, hoạt động bằng điện Nhà SX: Jiangsu zhongzhi automation co.,ltd. Model IS3, Công suất 380V,15KW, Nước xuất xứ: China.	4	402.491.875	1.609.967.500

15	Máy CNC Router Model MK6-2.	2	289.277.500	578.555.000
16	Máy tán đinh dùng đóng đinh lên các sản phẩm gỗ (Riveting Machine). Nhà SX: Dongguan City Dincom Machinery Co., Ltd. Hoạt động bằng điện, Model DC-506LU, Công suất 380V/750W	3	16.794.625	50.383.875
17	Máy đánh sợi bông (Fiber Opening Machine) và phụ tùng đi kèm, dùng đánh sợi bông gói sofa. Model: ZLD010A-2. Nhà SX: Shenzhen Zhonglida Machinery.	2	35.545.004	71.090.008
18	Máy đôn bông vào gối (Fiber Filling Machine) và phụ tùng đồng bộ đi kèm; Nhà sản xuất: ShenZhen Zhonglida Machinery; Model: ZLD005AO; công suất 1.5kw/380V/50Hz; Nước xuất xứ: China.	7	12.022.575	84.158.025
19	Máy cắt gỗ hình tam giác (Triangle Wood Cutting Machine) và phụ tùng đồng bộ đi kèm; Nhà sản xuất: ShenZhen Zhonglida Machinery; Hoạt động bằng điện; Model: ZLD013A-4; công suất 3kw/380V/50Hz; Nước xuất xứ: China.	1	127.648.380	127.648.380
20	Máy cưa bàn trượt (Sliding Table Saw) "Tờ khai Hải Quan ghi máy đục mộng"; Nhà SX: New Mas Woodworking Machinery & Equipment Co., Ltd. Hoạt động bằng điện, Model MD2108RQ, Công suất 9.2KW, Nước xuất xứ: China.	1	24.184.125	24.184.125
21	Máy đục mộng (Tenoner) "Tờ khai Hải Quan ghi máy phay"; Nhà sản xuất: New Mas Woodworking Machinery & Equipment; Hoạt động bằng điện; Model: MZ4214; Công suất: 1.1kw x4, Nước xuất xứ: China	1	56.829.688	56.829.688
22	Máy cưa đu (Radial-Arm Saw): Nhà sản xuất: New Mas Woodworking Machinery & Equipment; Hoạt động bằng điện; Model: MJ2236; Công suất: 10.5kw; Nước xuất xứ: China	3	10.749.271	32.247.813
23	Máy cưa rong nhiều lưỡi (Multiple Rip Saw); Nhà sản xuất: Sichuan Qingcheng Machinery; Hoạt động bằng điện; Model: QMJ143E; Công suất: 40kw; Nước xuất xứ: China	2	123.765.000	247.530.000
24	Máy cưa gỗ tự động: Optimizing Cross Cut Saw); Nhà sản xuất: Union Brother (Shanghai) Machineryco; Hoạt động bằng điện; Model: Maxcut CS20; Công suất: 380V/50HZ; Nước xuất xứ: China.	1	711.660.480	711.660.480
25	Băng chuyền tải đánh sợi AUTOMATIC FIBER FEEDING MACHINE, Item: ZLD005H-1, sức chứa 60-260kg/h, KT 5800*1600*2100mm, công suất 2.35kw.	2	44.055.720	88.111.440
26	Máy thổi ZHONGLIDA.	2	5.887.950	11.775.900
27	Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại: INNOVA; Loại xe: Ô tô con; Dung tích: 1998; Màu sơn: Đồng; Số máy: KTRA 710889; Số khung: 3EM7L3605034; Biển số: 93LD-003.69.	1	443.000.000	443.000.000
28	Máy đánh TUBI MACHINE Model BY-200817-109.	1	16.250.000	16.250.000
29	Máy bào MB450, công suất 15.57KW.	1	199.147.050	199.147.050
30	Trạm đánh sợi ZHONGLIDA MACHINERY.	2	31.171.500	62.343.000
31	Máy mài lưỡi cưa CH JIAN YE MA-250.	1	14.400.000	14.400.000
32	Máy cắt vải cầm tay.	4	2.317.500	9.270.000
33	Máy cắt nhiệt cầm tay.	1	2.475.000	2.475.000
	Tổng cộng			15.030.077.369
	Làm tròn			15.030.077.000

2. Giá khởi điểm: Giá khởi điểm của tổng các tài sản nêu trên là: 15.030.077.000 đồng (Mười lăm tỷ, không trăm ba mươi triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Luật Việt.

Địa chỉ: Đường Tô Hiệu, khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Tổng số điểm: 91 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không có.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	Công ty đấu giá hợp danh Luật Việt	ĐIỂM CHẤM
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	18,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	10
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0

2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0	3,0
3.	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	2,0	2,0
4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	1,0	0
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0	16,0
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	49,0
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	15,0	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0	
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0	

1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	6,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	6,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$		

5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	6,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0	3,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0	3,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0	4,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0	
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở	4,0	

	<i>lên</i>		4,0
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0	
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0	3,0
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3,0	3,0
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4,0	
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0	8,0
1.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Chi cục THADS thị xã Chơn Thành (người có tài sản đấu giá) và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó trong năm 2024	2,0	2,0
2.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh Bình Phước	4,0	4,0
3.	Có ít nhất 15 cuộc đấu giá thành đối với tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Bình Phước và trong đó ít nhất 01 cuộc đấu giá thành có tỷ lệ tăng từ 10% trở lên	2,0	2,0
Tổng số điểm		100	91

Vậy, thông báo để Công ty đấu giá hợp danh Luật Việt biết để liên hệ ký hợp đồng bán đấu giá./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành;
- Công thông tin điện tử cục THADS tỉnh BP;
- Công thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
(đăng thông tin);
- Lưu VT.

CHẤP HÀNH VIÊN



Đặng Văn Hiếu

